

Số: 256/2024/QĐST-HNGĐ

H, ngày 08 tháng 11 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ vào khoản 2 Điều 149, Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, khoản 1, 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, khoản 2 Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 6 và khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 274/2024/TLST-HNGĐ ngày 23-10-2024 về việc “*yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con khi ly hôn*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Anh Trần Đình H, sinh năm 1991; địa chỉ: tổ 8, khu 4, phường Y (nay là phường Tr), thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

2. Chị Đào Phương Th, sinh năm 1991; địa chỉ: tổ 8, khu 4, phường Y (nay là phường Tr), thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Đình H và chị Đào Phương Th tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Y (nay là phường Tr), thành phố H, tỉnh Quảng Ninh vào ngày 01-4-2015, nên hôn nhân của anh H và chị Th là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn, anh H và chị Th chung sống hạnh phúc đến tháng 01-2023 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong gia đình. Anh H và chị Th vẫn sống chung nhà nhưng đã ly thân về mặt tình cảm, không còn quan tâm và có trách nhiệm gì với nhau. Nay anh H và chị Th đều xác định mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng đã hết nên cùng thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn của anh, chị. Xét thấy, việc anh H và chị Th thuận tình ly hôn là tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Anh H và chị Th có 02 (*hai*) con chung là Trần Ánh D1, sinh ngày 17-7-2015 và Trần Anh D2, sinh ngày 05-01-2019. Hiện nay 02 (*hai*) con chung có sức khỏe bình thường. Ly hôn, anh H và chị Th thỏa thuận giao con chung là Trần Ánh D1 cho chị Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi thành niên; giao con chung là Trần Anh D2 cho anh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi thành niên. Anh H và chị Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh H và chị Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Xét thấy, thỏa thuận trên giữa anh H và chị Th là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại các khoản 1,2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, khoản 2 Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh H và chị Th tự thỏa thuận với nhau về tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy, thỏa thuận trên giữa anh H và chị Th là tự nguyện, phù hợp với quyền tự quyết định và định đoạt của đương sự quy định tại Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về lệ phí Tòa án: Anh H và chị Th thỏa thuận chị Th có nghĩa vụ nộp lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*), phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 6 và khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đã hết thời hạn 07 (*bảy*) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (ngày 31-10-2024), không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Đình H và chị Đào Phương Th thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh Trần Đình H và chị Đào Phương Th có 02 (*hai*) con chung là Trần Ánh D1, sinh ngày 17-7-2015 và Trần Anh D2, sinh ngày 05-01-2019. Hiện nay 02 (*hai*) con chung có sức khỏe bình thường. Ly hôn, anh H và chị Th thỏa thuận giao con chung là Trần Ánh D1 cho chị Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi thành niên; giao con chung là Trần Anh D2 cho anh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi thành niên. Anh H và chị Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh H và chị Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Anh H và chị Th tự thỏa thuận về tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Anh H và chị Th tự thỏa thuận về nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh H và chị Th thỏa thuận chị Th có nghĩa vụ nộp lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*). Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí sơ thẩm chị Th đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001274 ngày 23-10-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Chị Th đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Người yêu cầu;
- VKSND TP. H;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Chi cục THADS TP. H;
- UBND phường Tr,
TP. H, tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Bùi Thị Tố Nga